Journal of educational equipment: Applied research, Volume 1, Issue 316 (July 2024)
ISSN 1859 - 0810

Thực trạng học từ vựng của sinh viên năm nhất chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tại một trường đại học tư thục ở Việt Nam

Đỗ Thị Trang*

**ThS. GV khoa Tiếng Anh, trường Đại học Phenikaa*
Received: 10/6/2024; Accepted: 18/6/2024; Published: 28/6/2024

***Abstract**: This study investigates the current state of vocabulary learning among first-year English majors in the Vietnamese higher education environment. Data was collected using the case study method, with 32 students from an English language class participating in an online survey. The results indicate the current status of vocabulary learning among students and suggest solutions to enhance the effectiveness of vocabulary acquisition.*

***Keywords:** Vocabulary, memorization, short-term memory, long-term memory, lifelong learning, educational environment, private universities, self-directed learning, effective vocabulary learning, information technology, Quizlet*

1. Mở đầu

Từ vựng (TV) là đơn vị cơ bản để tạo câu có ý nghĩa trong giao tiếp. Việc học từ vựng, bao gồm từ loại, dạng, nghĩa, chính tả và cách sử dụng đóng vai trò quan trọng trong quá trình đắc thụ ngôn ngữ. Kiến thức về TVlà nền tảng để người học phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết của ngôn ngữ đích. Người học muốn mở rộng vốn từ cần tìm PPthích hợp và xây dựng kế hoạch học tập hiệu quả. Do đó, nghiên cứu này muốn tìm hiểu thực trạng việc học TV của SV năm nhất tại một trường đại học tư thục ở Việt Nam và từ đó đề xuất giải pháp giúp SV nâng cao hiệu quả của việc học từ vựng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề về lý luận

Việc dạy và học TV đã nhận được sự quan tâm nhiều hơn của các nhà nghiên cứu trong 20 năm qua. Với từ khóa "vocabulary learning English university major", trang cơ sở dữ liệu ERIC (Education Resources Information Center) hiển thị 22,168 kết quả (tính đến ngày 26/06/2024). Theo nghiên cứu (Thư, Đ. N. A, 2022), SV chuyên ngành tiếng Anh, trường Đại học Ngoại ngữ Huế ý thức được tầm quan trọng của học TV trong quá trình đắc thụ ngôn ngữ và áp dụng các chiến lược học TV với tần suất trên trung bình. Nghiên cứu (Vinh, Hằng & Hường, 2020) với số lượng khách thể là 134 SV chuyên ngành tiếng Anh kết luận SV chưa sử dụng hết tiềm năng của một số chiến lược học TV. Các nghiên cứu trong nước và ngoài nước phân tích về nhiều khía cạnh của học TV bao gồm các chiến lược tiếp cận và học từ mới, khó khăn và thách thức với người học khi học từ mới và thái độ của người học với học từ mới. Nghiên cứu này tìm hiểu thực trạng của học TVcủa SV năm nhất trong một trường đại học tư thục tại Việt Nam và đóng góp vào nguồn tham khảo về học, ghi nhớ và kiểm tra TV.

2.2. Phương pháp (PP) nghiên cứu

PP nghiên cứu của bài này là Case study – PP nghiên cứu sâu trong một tình huống hay sự việc thực tế. Đối tượng nghiên cứu là SV năm nhất (n=32), chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tại trường Đại học Phenikaa thuộc một lớp học phần Thực hành tiếng Anh – Đọc 2. Kết thúc học phần này, SV phải đạt chuẩn đầu ra – phát triển kỹ năng đọc tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2.3. Nội dung và kết quả nghiên cứu

2.3.1. Việc học trên lớp

Câu 6: *Việc GV yêu cầu SV viết và nói câu dựa trên các từ mới trên lớp giúp em nhớ từ hơn không?* 80.6% SV trả lời chọn "Có", 16.1% SV chọn "Không chắc" và 3.2% SV chọn "Không"

Câu 7: Để lưu lại từ mới trên lớp, em thấy việc ghi chép vào vở hay gõ trên máy tính hiệu quả hơn? 90.6% SV thích ghi chép vào vở trong khi 9.4% chọn gõ trên máy tính. Cách ghi chép truyền được ưa chuộng hơn nhiều so với cách ghi chép có sự hỗ trợ của công nghệ.

Câu 8: Với từ trên lớp, em thấy hình thức nào hiệu quả hơn?

74.2% SV chọn "GV tra, chiếu qua máy chiếu và giảng" trong khi 16.1% SV chọn "SV tự tra và tự ghi chú trong sách/vở". Có 9.7% SV chọn phương án khác.

2.3.2. Việc học ngoài giờ học

Câu 1: Em thấy hình thức ghi nhớ từ mới nào hiệu quả hơn? ¾ SV được hỏi chọn học cùng người khác, ¼ số SV còn lại thấy việc tự học hiệu quả hơn.

Câu 2: Em thường dành bao nhiêu giờ để học từ mới mỗi ngày?

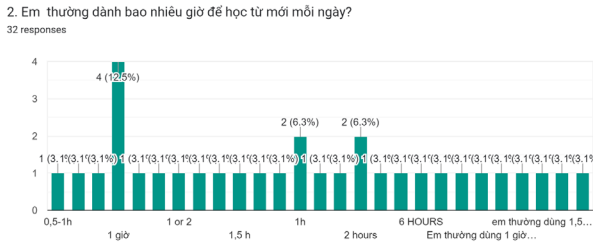

Đa số SV dành khoảng 1-2 tiếng mỗi ngày để học TV.

Câu 3: Em có thói quen tận dụng thời gian chết cho việc học từ mới không?

6.3% SV được hỏi không học từ mới trong thời gian chết và 12.5% SV tận dụng thời gian chết để học từ vựng. 81.3% SV có thể hoặc không tranh thủ những khoảng thời gian này.

Câu 4: Hình thức kiểm tra từ mới nào hiệu quả nhất với em?

Hoạt động trên Quizlet là hoạt động mà mỗi SV ôn tập và kiểm tra TVcủa bản thân trên Quizlet theo các bài hàng tuần trên tinh thần chủ động và tự giác. Trước buổi học cuối cùng của học phần, SV gửi GV kết quả các bài quiz.

Hoạt động Vocab quiz là hoạt động diễn ra trong 3 buổi học khác nhau của 3 nhóm SV, mỗi nhóm gồm 5 thành viên trong vai trò điều giải viên tổ chức hoạt động đố TVcho các SV còn lại của lớp – các câu đố được tạo với công cụ PowerPoint hoặc Canva.

Hoạt động viết từ mới trên bảng là hoạt động mà mỗi SV được gọi lên bảng và ghi từ đã học theo chủ đề hoặc ngẫu nhiên trên bảng.

Quizlet là hình thức được SV đánh giá hiệu quả nhất (84.4%) trong khi hoạt động viết từ mới trên bảng ít được ưa chuộng nhất (6.3%).

Câu 5: Quizlet hỗ trợ em học tự vựng hiệu quả ở mức nào?

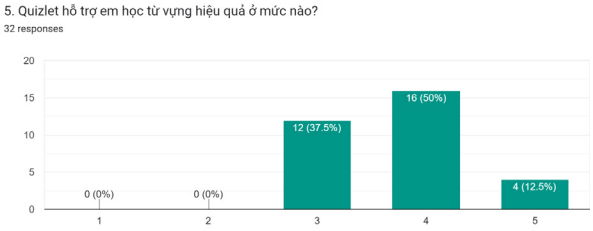

Tất cả SV đều cho rằng Quizlet có ích cho việc học TVhiệu quả ở mức 3-5. Một nửa SV của lớp nhận định Quizlet khá hiệu quả.

2.3.3 Sự tự phản chiếu của SV

Câu 9: Em có gặp khó khăn nào trong việc ghi nhớ từ mới không? Nếu có, khó khăn đó là gì và em vượt qua như thế nào? 69% SV gặp khó khăn trong ghi nhớ từ mới, chủ yếu về phân biệt các từ phát âm gần giống nhau, thuộc từ dài, nắm vững cách sử dụng của từ, nhớ nghĩa của từ, và chuyển từ đã học vào trí nhớ dài hạn.

Câu 10: Kết thúc học phần Đọc 2, em đã thấy mình cần thay đổi như thế nào để nâng cao hiệu quả việc học TV ở đại học? 31.3% SV nhận thấy bản thân cần chăm chỉ hơn, đặc biệt trong việc học từ mới. Một số khác nhận ra bản thân cần luyện tập áp dụng từ mới để tạo câu hoàn chỉnh có ý nghĩa, tìm từ đồng nghĩa, cải thiện kỹ năng đọc nhanh, sử dụng Quizlet và tìm PP học tập hiệu quả hơn.

2.4. Phân tích dữ liệu

2.4.1. Việc học trên lớp: SV nhận thấy viết tay vào vở nội dung bài giảng hiệu quả hơn dùng công nghệ hỗ trợ dù việc lưu trữ trở nên đơn giản và nhanh hơn với các thiết bị điện tử như máy tính cá nhân, máy tính bảng và điện thoại. Theo Định luật Miller (1956), mỗi người có thể ghi nhớ được 7 (+/-2) đơn vị thông tin trong bộ nhớ làm việc. Với mỗi từ mới học được trên lớp, SV phải chăm chú lắng nghe, ghi nhớ dựa trên trí nhớ tạm thời và trình bày vào vở để dễ hình dung, phân loại và tổng hợp kiến thức. Việc cầm bút trên tay đặt SV vào trạng thái sẵn sàng tiếp thu và lưu lại kiến thức cho mục đích học tập lâu dài. Khi ghi

chép, SV đang nhắc lại kiến thức một lần nữa dưới dạng viết và đây là những nỗ lực đầu tiên để củng cố kiến thức. Đồng thời, SV được yêu cầu áp dụng kiến thức vừa học để tạo ra ngôn ngữ sản sinh (viết và nói) ngay trên lớp. Các hoạt động khuyến khích SV tham gia xây dựng bài giảng dựa trên PP lấy người học làm trung tâm tạo đà cho SV chuyển kiến thức TV vào trí nhớ dài hạn.

Đa phần SV muốn được nghe giảng về TV với thông tin được tra trên từ điển và hiện trên màn hình của máy chiếu. Con số 16.1% SV muốn tự tra khẳng định xu thế sử dụng công nghệ thông tin để học tập của Gen Z trong kỷ nguyên số. Tuy nhiên, thời gian tập trung của người trưởng thành khi nghe giảng kéo dài khoảng 10 phút và dưới một phút khi làm việc với màn hình thiết bị điện tử (Ruggeri, 2023). Việc SV tự tra từ điển bằng điện thoại/máy tính cá nhân liên quan đến khả năng tập trung và mức độ nhận thức thông tin của mỗi cá nhân.

Tất cả SV nhận thấy Quizlet giúp bản thân học tập và kiểm tra hiệu quả. Kết quả này trùng khớp với kết quả của các nghiên cứu quốc tế (Bueno-Alastuey & Nemeth, 2022; Sanosi, 2018; Anjaniputra & Salsabila, 2018; Setiawan & Wiedarti, 2020).

2.4.2. Việc học ngoài giờ học

Nhiều SV thích học TVcùng người khác hơn học một mình. Việc học có tính tương tác tạo cơ hội cho người học kiểm tra thường xuyên và liên tục, qua đó giúp củng cố trí nhớ lâu dài về TVvà thúc đẩy não hoàn hoạt động nhanh hơn để trả lời các câu hỏi, câu đố về TVđã học. Tuy nhiên, để đảm bảo việc học TVcùng người khác hiệu quả, bản thân người học cần xây dựng kế hoạch học nhóm với mục tiêu, số lượng từ vựng, thời gian học, cách thức thực hiện một cách rõ ràng và hợp lý.

Nghiên cứu này chỉ ra thời gian SV dành cho việc học từ khá khiêm tốn. Đa phần SV dành một tiếng mỗi ngày để học TVvà chưa tận dụng được "thời gian chết" của mình để học từ vựng. Thời lượng của học phần gồm 45 tiết bao gồm 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thực hành và 60 tiết tự học và học phần kéo dài trong 8 tuần (bao gồm 7 tuần học 2 buổi và 1 tuần học 1 buổi). Với mục tiêu đạt 2000-3000 từ cho trình độ B1, SV cần nỗ lực nhiều hơn để tiếp thu, ghi nhớ và áp dụng những từ đã học để xây dựng nền tảng cho quá trình phát triển kỹ năng đọc. Theo quy luật lượng chất, sự thay đổi về lượng kéo theo sự thay đổi về chất. Tần suất và cường độ của học tập là hai yếu tố quan trọng quyết định sự thành công trong học tập của mỗi SV. Thói quen tự học liên quan đòi hỏi sự kiên trì, quyết tâm và kỷ luật bản thân.

Trong thời đại mà CNTT hiện diện ở nhiều khía cạnh cuộc sống, người học phải sử dụng công nghệ một cách thông thái, tránh hạn chế phụ thuộc vào Internet. Người học có thể thử PPPomodoro: tập trung trong 25 phút và nghỉ ngơi khoảng 5'phút.

2.4.3. Sự tự phản chiếu của SV: 69% SV gặp khó khăn trong việc ghi nhớ TVvà lưu trữ thành trí nhớ dài hạn. Một số SV phản ánh sự bất lực – không thể lưu trữ thông tin vào trí nhớ dài hạn. Sự bất lực này phải được chấm dứt, trước khi trở thành bất lực tập nhiễm. SV cần thẳng thắn đối diện bế tắc trong học tập và chủ động tìm giải pháp khắc phục.

Hơn 1/3 SV đã ý thức được bản thân cần phải chuyên cần, nghiêm túc, chủ động và tự giác hơn trong việc học TVcũng như luyện kĩ năng đọc. Đây là cánh cửa mở ra các bứt phá - vượt qua giới hạn của bản thân. SV có thể thử PPcung điện ký ức (Loci) – bản chất của PPnày là trí tưởng tượng.

3. Kết luận

Nghiên cứu này chỉ ra vấn đề lớn nhất của SV là thiếu khả năng tự chủ học tập. Thói quen học tập của SV liên quan đến nhận thức và thái độ học tập của SV. SV cần ý thức được tầm quan trọng của vốn TVphong phú và khả năng sử dụng từ, chính xác linh hoạt. Kỹ năng quản lý thời gian cá nhân còn hạn chế, đa số SV chưa phân bổ thời gian hợp lý bao gồm "thời gian chết" cho việc học.

Một số SV đã xác định được mục tiêu của bản thân sau khóa học và nhận thức sâu sắc việc tăng tốc độ và cường độ học để học tập tiến bộ. Từ đó, SV có động lực phát triển kỹ năng mềm và xây dựng PP học tập khoa học để học TV hiệu quả hơn. Như vậy, GV cần đóng vai trò như cố vấn học tập để giúp nâng cao ý thức của SV chủ động tiếp cận, mở rộng, tạo và làm chủ tri thức. Có nhiều PP học tập hiệu quả, GV cần hướng dẫn và động viên SV áp dụng để phát triển bản thân.

Tài liệu tham khảo

1.Anjaniputra, A. G., & Salsabila, V. A. (2018). The merits of Quizlet for vocabulary learning at tertiary level. *Indonesian EFL Journal*, *4*(2), 1-11.

2.Bueno-Alastuey, M. C., & Nemeth, K. (2022). Quizlet and podcasts: effects on vocabulary acquisition. *Computer Assisted Language Learning*, *35*(7), 1407-1436.

3.Ruggeri, C. (2023). *Adults Are Distracted Every 47 Seconds: How to Increase Attention Span.* Leaders. Truy cập 16/06/2024 từ https://leaders.com/articles/productivity/how-to-increase-attention-span/